

BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC PHẠM TRÙ QUA BÚT KÝ TRIẾT HỌC CỦA V.I. LÊNIN

NGUYỄN THỊ HÀ*
TRẦN HỒNG LƯU**

Phép biện chứng duy vật là chủ đề rộng lớn. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung trình bày về mối liên hệ biện chứng giữa các phạm trù trong phép biện chứng duy vật, nhất là phạm trù bản chất, quy luật và các phạm trù khác cùng với sự hình thành các phạm trù đó; đồng thời chỉ ra các mối liên hệ không chỉ bó gọn trong các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật mà còn mở rộng ra các phạm trù khác. Ý tưởng về mối liên hệ phổ biến giữa các phạm trù được V.I. Lênin trình bày trong Bút ký triết học, được phân tích dưới đây, sẽ làm rõ hơn vấn đề này.

Từ khóa: phép biện chứng duy vật, mối liên hệ phổ biến, bản chất, quy luật, phạm trù

Nhận bài ngày: 24/3/2024; *đưa vào biên tập:* 28/3/2024; *phản biện:* 25/4/2024; *duyet đăng:* 10/6/2024

1. DẪN NHẬP

Bút ký triết học được V.I. Lênin viết trong những năm 1914-1916. Đây chính là sự tiếp nối tư tưởng triết học trong tác phẩm được ông viết trước đó - *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Mỗi tác phẩm thể hiện một biểu hiện khác nhau của triết học mác-xít. *Bút ký triết học* trình bày cụ thể các khía cạnh cơ bản của phép biện chứng duy vật, trong đó có sự phân tích chi tiết mối liên hệ biện

chứng giữa các phạm trù.

Bút ký triết học - Философские заметки không phải là tác phẩm hoàn chỉnh mà đúng như tên gọi ban đầu của nó là cuốn vở ghi chép các sách báo triết học và những nhận xét, bình luận các nhận định của Lênin khi đọc hầu hết các triết gia nổi tiếng trong lịch sử từ cổ đại đến hiện đại như Aristotle, Hegel... Ngoài phép biện chứng, tác phẩm bàn nhiều đến các lĩnh vực về nhận thức luận, lô-gích học và lịch sử triết học. Trong tác phẩm này, lần đầu tiên Lênin đưa ra quan niệm về sự thống nhất, đồng nhất giữa phép biện chứng, lô-gích

* Viện E-Learning, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

học và lý luận nhận thức. Lênin sử dụng nhiều cách nhận xét, bình giải khác nhau, trong đó có những vấn đề còn bàn luận. Lênin khi đọc có chỉnh sửa, bình chú cho dễ hiểu hơn theo tinh thần của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đây là tác phẩm có trình độ lý luận cao khi bàn đến phép biện chứng duy vật. Sau đây là những kiến giải của Lênin về mối liên hệ biện chứng giữa các phạm trù trong phép biện chứng duy vật qua tác phẩm *Bút ký triết học*, biểu hiện rõ nhất giữa phạm trù bản chất và quy luật, và các phạm trù khác.

2. NỘI DUNG

2.1. Về khái niệm, phạm trù

Tư tưởng về mối liên hệ giữa các phạm trù, khái niệm, trước đó đã được Hegel nêu ra, được Lênin phân tích tỉ mỉ trong *Bút ký triết học*. Khi xem xét một khái niệm, phạm trù nào đó, Lênin lưu ý chúng ta không được coi chúng một khi đã hình thành là bất biến, đứng im, độc lập. Các cặp phạm trù phải được “Mài sắc, gọt giũa, mềm dẻo, năng động, tương đối, liên hệ với nhau, thống nhất trong những đối lập, để có thể bao quát vũ trụ” (Lênin, 1981, tập 29: 155-156).

Trong *Bút ký triết học*, Lênin (1981, tập 29: 102) khẳng định: “Trước mắt con người, có màng lưới những hiện tượng tự nhiên. Con người bản năng, người man rợ, không tự tách khỏi giới tự nhiên. Người có ý thức tự tách khỏi giới tự nhiên, những phạm trù là những giai đoạn của sự tách khỏi đó, tức là của sự nhận thức thế giới, chúng là

những điểm nút của màng lưới, giúp ta nhận thức và nắm vững được màng lưới”. Các khái niệm, phạm trù vì thế có ý nghĩa thế giới quan và phương pháp luận, mở rộng tầm hiểu biết, tầm tự do của con người và giúp con người cải tạo thế giới, phát triển thế giới ngày càng bền vững hơn.

Lênin (1981, tập 29: 267) khẳng định: “Những khái niệm của con người không bất động, mà luôn luôn vận động, chuyển hóa từ cái nọ sang cái kia, tràn từ cái nọ sang cái kia; không như vậy, chúng không phản ánh đời sống sinh động”. Các phạm trù, khái niệm, quy luật không phải là sự hư cấu, mà là kết quả của sự nhào nặn thực tiễn qua hàng ngàn năm của con người bằng các hình thức lô-gích khác nhau và đều phản ánh hiện thực, “Những khái niệm của con người là chủ quan trong tính trừu tượng của chúng, trong sự tách rời của chúng, nhưng là khách quan trong chính thể, trong quá trình, trong kết cục, trong khuynh hướng, trong nguồn gốc” (Lênin, 1981, tập 29: 223-224).

Sự liên hệ biện chứng giữa chúng thể hiện ở các khía cạnh sau: “Sự phụ thuộc lẫn nhau của *tất cả* mọi khái niệm”, “sự chuyển hóa của những khái niệm từ cái này sang cái kia”, “tính tương đối của sự đối lập giữa các khái niệm”, “tính đồng nhất của sự đối lập giữa các khái niệm” và “Mỗi một khái niệm nằm trong *một mối quan hệ* nào đó, trong một mối liên hệ nào đó với *tất cả* các khái niệm khác” (Lênin, 1981, tập 29: 210).

Thừa nhận một cái gì là tuyệt đỉnh, hoàn hảo, bất động, cố định, chắc chắn sẽ sa vào phương pháp siêu hình, ngăn cản quá trình nhận thức của loài người. Các phạm trù chính là công cụ của tư duy sắc bén giúp cho các nhà khoa học đi sâu vào khám phá bản chất thế giới ngày càng sâu sắc hơn và tiến gần đến chân lý tuyệt đối hơn. Lênin (1981, tập 29: 193) chỉ rõ: “*Những khái niệm, phạm trù, quy luật... vừa là sản phẩm của nhận thức, vừa là hình thức, là công cụ của nhận thức*”; hơn thế: “Con người không thể nắm được = phản ánh = miêu tả *toàn bộ* thế giới tự nhiên một cách đầy đủ, ‘tính chỉnh thể trực tiếp của nó’, con người chỉ có thể đi gần *mãi* đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, những bức tranh khoa học về thế giới,...” (Lênin, 1981, tập 29: 193).

Sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan luôn luôn vận động, biến đổi, tác động qua lại lẫn nhau nên các phạm trù, khái niệm phản ánh chúng cũng phải vận động, biến đổi theo để ngày càng phản ánh đúng hơn hiện thực sống động. Điều đó có nghĩa là “cái chủ quan” (ý thức, khái niệm, phạm trù, quy luật,...) phải vận động để phản ánh trung thực “cái khách quan” (sự vật, hiện tượng của thế giới) như nó vốn có. Ngoài ra, các phạm trù, khái niệm khi phản ánh thế giới khách quan không được cô lập, tách rời mà phải luôn liên hệ, nương tựa, tác động qua lại làm “trung giới” cho nhau để hình thành nên các khái niệm, phạm trù mới

nhằm phản ánh thế giới khách quan ngày càng đúng hơn, sâu sắc hơn.

2.2. Biện chứng giữa phạm trù bản chất với phạm trù quy luật

Phạm trù bản chất không chỉ là phạm trù “mẹ” mà còn là phạm trù trung tâm vì xoay xung quanh nó là hàng loạt các phạm trù khác như: cái tất nhiên, cái chung, nội dung, quy luật, trong đó phạm trù quy luật biểu hiện rõ nhất mối liên hệ với phạm trù bản chất.

Không phải đến ngày nay chúng ta mới nhận thức được vai trò quan trọng của phạm trù bản chất. Từ thời cổ đại Hy Lạp, Aristotle đã chỉ rõ: Trong số mười phạm trù: bản chất, số lượng, quan hệ, vị trí, thời gian, tình trạng, chiếm hữu, hành động và chịu đựng thì bản chất là phạm trù đứng ở vị trí trung tâm và cơ bản nhất, vì nhận thức các sự vật – theo ông – là nhận thức bản chất của chúng (dẫn theo Nguyễn Hữu Vui, 1991, tập 1: 236). Aristotle thừa nhận có hai dạng bản chất. *Bản chất thứ nhất* là những sự vật khách quan, tồn tại dưới dạng đơn nhất, cho phép biểu hiện sự vật một cách cụ thể, xác thực và sinh động. *Bản chất thứ hai* là những khái niệm chung về sự vật, thể hiện sự bao quát cả một nhóm sự vật có chung những đặc tính nhất định. Xem bản chất thứ nhất là cái có trước và đóng vai trò quyết định sự vật, Aristotle đã thừa nhận sự vật tồn tại khách quan và có trước khái niệm chung và tri thức về chúng. Điều này thể hiện tư tưởng duy vật, khách quan của ông khi nhìn nhận, quan sát sự vật, hiện

tượng của thế giới, cho dù sau này ông đã không triệt để khi xem nhận thức sự vật là nhận thức hình dạng (hình thức) của nó chứ không phải nhận thức chính sự vật. Aristotle cũng đã đề cập đến mối liên hệ giữa các phạm trù khi ông coi tất cả các phạm trù là sự thể hiện ở các khía cạnh khác nhau của phạm trù bản chất. Có thể nhận thấy, Aristotle đã sớm đưa ra tư tưởng biện chứng khi cho rằng: “các sự vật đang tồn tại và bản chất được cấu thành từ các mặt đối lập” (dẫn theo Nguyễn Hữu Vui, 1991, tập 1: 237).

Lênin đã đánh giá rất cao tư tưởng đó của Aristotle. Ông yêu cầu khi xem xét các phạm trù, khái niệm của phép biện chứng duy vật, cần phải đặt chúng trong “sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả mọi khái niệm”, trong “sự chuyển hóa của khái niệm từ cái này sang cái khác”. Các khái niệm, phạm trù không cô lập nhau mà “mỗi một khái niệm trong một mối quan hệ nào đó, trong một mối liên hệ nào đó với tất cả các khái niệm khác” (Lênin, 1981, tập 29: 210). Trong số đó có những phạm trù có mối liên hệ hữu cơ với nhau, bổ sung lẫn nhau, làm “trung giới” cho nhau để hình thành nên các phạm trù mới phản ánh thế giới ngày càng sâu sắc hơn. Chúng ta chỉ có thể hiểu được vai trò, thứ bậc, vị trí của phạm trù đó ở đúng vị trí cụ thể của nó, nếu đảo lộn sẽ vô nghĩa.

Để làm rõ mối liên hệ giữa các phạm trù như Aristotle, Hegel và Lênin đã chỉ ra, chúng ta sẽ xem xét mối liên hệ

giữa phạm trù bản chất và phạm trù quy luật.

Theo *Từ điển triết học giản yếu* thì bản chất là “tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên tương đối *ổn định* ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật đó” (dẫn theo Hữu Ngọc và nnk, 1987: 33). Và quy luật là “mối liên hệ tất yếu, bản chất (các tác giả nhấn mạnh), phổ biến và *ổn định*, được lặp đi lặp lại giữa các hiện tượng” (dẫn theo Hữu Ngọc và nnk, 1987: 388). Từ các định nghĩa trên cho thấy, tính chất đan xen và mối liên hệ qua lại lẫn nhau, tác động tương hỗ nhau giữa các phạm trù này. Có những yếu tố là chung cho cả hai phạm trù quy luật và bản chất, đồng thời có những yếu tố gần giống nhau giữa chúng, song chúng không thể thay thế được vị trí của nhau, thậm chí thứ bậc của chúng lại hoàn toàn khác biệt nhau khi chúng ta phân tích kỹ hơn.

Trong *Bút ký triết học*, Lênin (1981, tập 29: 160) chỉ rõ: “Quy luật là cái gì bền vững (cái được bảo tồn) trong hiện tượng” và “Quy luật = phản ánh yếm tĩnh của những hiện tượng”. Hơn thế, khi khẳng định mối liên hệ hữu cơ giữa quy luật và bản chất, Lênin (1981, tập 29: 161) còn chỉ ra rõ hơn: “Quy luật là hiện tượng có tính bản chất” và: “Quy luật là phản ánh của cái bản chất trong sự vận động của vũ trụ”. Nhằm vạch rõ mối quan hệ xoắn xít, hữu cơ giữa hai phạm trù này, Lênin (1981, tập 29: 163) còn khẳng định: quy luật là “mối quan hệ của những bản chất

hay những bản chất”. Như vậy, Lênin đã khẳng định một cách dứt khoát mối liên hệ chặt chẽ và mật thiết giữa hai phạm trù này, đến mức trong phạm trù này có yếu tố của phạm trù kia và ngược lại. Quy luật là sự phản ánh cái bản chất trong sự vận động của sự vật. Bản chất thường ổn định, bền vững, tương tự mọi quy luật đều có tính bền vững, ổn định, lặp đi lặp lại và quy luật chỉ thay đổi khi bản chất sự vật thay đổi hoàn toàn.

Đặc trưng cơ bản nhất của quy luật là tính tất yếu và tính bản chất. Do đó Andreep (1983: 185), trong tác phẩm *Phép biện chứng duy vật với tư cách là một hệ thống khoa học*, đã có lý khi định nghĩa: “Quy luật là mối liên hệ tất yếu và bản chất”.

Vì thế, ở góc độ nào đó, khi nói đến quy luật cũng là nói đến cái bản chất, cái tất nhiên, cái bên trong, cái ổn định, đồng thời khi nói đến bản chất cũng là nói đến quy luật, cái bên trong, cái tất nhiên, ổn định vốn có. Mối liên hệ giữa hai phạm trù này mật thiết đến mức mà trong những trường hợp nhất định nói đến bản chất cũng là nói đến quy luật, song không vì thế mà nói chúng có thể thay thế cho nhau.

Qua phân tích, chúng ta thấy, phạm vi tác động thì phạm trù bản chất có ngoại diên rộng hơn, mang tính khái quát và trừu tượng hơn, nên bao trùm, phong phú và sâu sắc hơn phạm trù quy luật. Vì nếu quy luật chỉ là *những mối liên hệ* khách quan, tất nhiên, ổn định giữa các sự vật hay giữa các mặt của cùng một sự vật, thì bản chất là

“tổng hợp” (các tác giả nhấn mạnh) tất cả những mối liên hệ khách quan, tất nhiên, phổ biến chung cho mọi sự vật và bao trùm cả những mối liên hệ tất nhiên nhưng không phổ biến nữa.

Điều đó cho thấy sự bao quát của phạm trù bản chất so với phạm trù quy luật và cả các phạm trù khác nữa như nội dung (cái bên trong) và cái tất nhiên. Bản chất bao gồm nhiều quy luật, là tổng hợp các quy luật. Nếu bản chất là cái tổng thể, toàn cục thì quy luật chỉ là cái bộ phận, chỉ phản ánh một yếu tố, khía cạnh nào đó của bản chất và *không thể nói hết bản chất*. Chính vì thế, Lênin (1981, tập 29: 161) đã khẳng định rõ hơn: “Quy luật = một bộ phận” và: “Hiện tượng *phong phú* hơn quy luật”. Sự không đồng nhất giữa hai phạm trù này còn được Lênin (1981, tập 29: 160) chỉ ra khi đọc *Khoa học logic* của Hegel: “Quy luật nắm lấy cái gì yên tĩnh mà chính vì vậy mà quy luật, mọi quy luật, đều là chật hẹp, không đầy đủ, gần đúng”.

Muốn hiểu được bản chất đích thực của sự vật cần có tri thức tổng hợp mang tính chỉnh thể đầy đủ về hệ thống các quy luật của nó. Nếu chỉ mới tìm ra một vài quy luật riêng lẻ về sự vật thì chưa thể nắm bắt được đầy đủ bản chất của sự vật, do mỗi quy luật mới chỉ phản ánh được một mặt, một yếu tố nào đó của sự vật một cách “không đầy đủ, gần đúng” mà thôi. Chẳng hạn, khi mới tìm ra một vài quy luật của chủ nghĩa tư bản, chúng ta chưa thể kết luận được bản chất của chế độ tư bản. Đặc biệt trong

thế giới ngày nay, do sự tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, chủ nghĩa tư bản cũng có sự tiếp thu, “thâu thái”, tích hợp những giá trị tiến bộ của chế độ khác thậm chí của cả chủ nghĩa xã hội để tự làm mới mình cho phù hợp với thời đại, song không vì thế mà vội vàng kết luận đó là bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Hơn nữa, sự vật luôn vận động, phát triển và tác động qua lại lẫn nhau, nên cho dù bản chất tuy tương đối ổn định nhưng không có nghĩa là nó đứng im, bất biến. Bởi lẽ, như Lenin (1981, tập 29: 268) từng chỉ rõ: “không chỉ hiện tượng là tạm thời, chuyển động, lưu động, bị tách rời bởi những giới hạn chỉ có tính chất ước lệ, mà bản chất của sự vật cũng như thế”. Vì thế, quá trình tìm ra bản chất sự vật là hết sức lâu dài, gian khổ và đầy rẫy khó khăn, phức tạp. Và đó cũng chính là nhiệm vụ của khoa học, vì: “Nếu hình thái biểu hiện và bản chất của sự vật trực tiếp đồng nhất với nhau, thì mọi khoa học sẽ trở nên thừa” như Mác (1994, tập 25: 540) đã chỉ ra trước đó. Nếu muốn hành động một cách tự do thì con người phải: “đi sâu một cách vô hạn, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất cấp một, nếu có thể nói như thế, đến bản chất cấp hai... *cứ như thế mãi*” (Lenin, 1981, tập 29: 268).

Từ sự phân tích mối liên hệ hữu cơ giữa phạm trù bản chất và phạm trù quy luật, có thể rút ra rằng không chỉ có phạm trù bản chất và phạm trù quy luật liên hệ, tác động đan xen, xoắn xít, qua lại lẫn nhau mà giữa chúng còn

có những mối liên hệ tương tự với các phạm trù khác như cái chung, cái tất nhiên, nội dung (cái bên trong). Trong các mối liên hệ đó, phạm trù bản chất được coi là phạm trù trung tâm, là hệ thống lớn hay hệ thống *mẹ* mà xoay xung quanh nó là các phạm trù khác như đã mô tả sơ bộ trên.

2.3. Biện chứng giữa các phạm trù khác

Nghiên cứu các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật có thể thấy giữa chúng có sự liên hệ, tác động qua lại mật thiết với nhau. Hơn thế, sự liên hệ hữu cơ, tác động biện chứng đó còn thể hiện cả ở các phạm trù ngoài các cặp phạm trù của phép biện chứng. Điều này nói lên tính phổ biến, đa dạng, phong phú của mối liên hệ phổ biến.

Mối liên hệ mật thiết giữa các phạm trù bản chất với các phạm trù quy luật, cái chung, cái tất nhiên, nội dung... là sự liên hệ tác động qua lại một cách biện chứng, là sự bổ sung, làm “trung giới” cho nhau để sinh thành nên các phạm trù mới phản ánh ngày càng “gần đúng” hơn về thế giới khách quan đang không ngừng vận động. Đồng thời sự liên hệ giữa các phạm trù nói trên không chỉ là biểu hiện cụ thể sinh động cho nguyên lý về mối liên hệ phổ biến trong các cặp phạm trù với nhau mà còn là biểu hiện mối liên hệ giữa các phạm trù và các quy luật của phép biện chứng duy vật.

Tuy nhiên khi tìm hiểu các mối liên hệ và sự tác động qua lại đó, cần lưu ý rằng: không phải cái chung, cái tất

nhiên nào cũng là bản chất, không phải quy luật nào, cái ổn định, phổ biến nào cũng là bản chất. Bởi vì, ngoài những mối liên hệ tất nhiên, phổ biến chung cho mọi sự vật, bản chất còn bao hàm cả những mối liên hệ tất nhiên nhưng không phổ biến. Bản chất cũng thay đổi nhưng chậm hơn. Do có độ “lệch” đó, nên bản chất tuy bao trùm các phạm trù trên nhưng không thể thay thế được chúng và ngược lại. Chính vì thế, mỗi phạm trù cần phải đặt đúng vị trí, thứ bậc của chúng thì mới thấy được vai trò “nấc thang” và giá trị của chúng. Tổng hợp các phạm trù đó cũng không thể thay thế được phạm trù bản chất, vì mỗi phạm trù đó chỉ phản ánh được khía cạnh nào đó của bản chất. Hơn thế, cái chỉnh thể - bản chất ở đây lớn hơn các bộ phận - phạm trù khác cộng lại. Các phạm trù đó chỉ có thể bổ sung lẫn nhau và chính sự bổ sung đó góp phần làm phong phú hơn cho phạm trù bản chất để phản ánh chân thực hơn về thế giới. Tuy nhiên, không nên thổi phồng vai trò của phạm trù bản chất cho dù đây là phạm trù quan trọng - cốt lõi trung tâm mà các phạm trù khác quy tụ xung quanh. Trong mối liên hệ hữu cơ đó, chỉ nên nhìn nhận bản chất như là hệ thống lớn ở mức độ khái quát, bao trùm hơn, còn các phạm trù khác như là hệ thống nhỏ – phản ánh cái bộ phận của cái chỉnh thể (bản chất).

Giữa các phạm trù tất nhiên, nội dung, cái chung... cũng có sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau, đan xen nhau,

có những yếu tố là chung cho nhau nhưng không thể thay thế nhau. Chẳng hạn, giữa phạm trù tất nhiên và quy luật có điểm giống nhau là đều chắc chắn xảy ra khi có điều kiện tương ứng. Có cái tất nhiên là quy luật nhưng có cái quy luật không hẳn là tất nhiên như các quy luật xác suất thống kê.

Hay giữa cái tất nhiên và cái chung cũng vậy - có cái chung là tất nhiên nhưng có cái chung lại không thể là cái tất nhiên. Thuộc tính *có đầu, minh, chân tay* là chung cho mọi người nhưng không phải là tất nhiên cho mọi người. Hoặc *bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội* là cái chung vừa là tất nhiên, quy luật, vừa là bản chất.

Giữa các phạm trù khác như hiện tượng, giả tượng, cái bề ngoài hay hình thức, cái riêng, cái đơn nhất, cái ngẫu nhiên cũng có những mối liên hệ tương tự như thế. Bàn luận về các mối liên hệ này sẽ làm rõ hơn về mối liên hệ phổ biến trong tư duy, chính là biểu hiện cụ thể, sinh động sự liên hệ, tác động qua lại giữa các khái niệm, phạm trù của phép biện chứng duy vật. Mối liên hệ giữa các khái niệm, phạm trù đó không phải là cái gì đó thuần túy tư biện, mà là sự phản ánh mối liên hệ phổ biến vốn có và phong phú trong hiện thực. Các khái niệm, phạm trù, quy luật và cả ý thức con người là bản sao để phản ánh bản gốc – tức thế giới vật chất đang vận động.

Trong lĩnh vực duy vật lịch sử, chúng ta cũng thấy mối liên hệ hữu cơ giữa

các phạm trù. Ví dụ, phạm trù ý thức xã hội được xem như phạm trù mẹ bao chứa trong nó các phạm trù con, như ý thức lý luận, ý thức đời thường, tâm lý xã hội, hệ tư tưởng... Tất cả đều phản ánh đời sống tinh thần của xã hội loài người, mỗi phạm trù lại phản ánh một mặt, một thang bậc của nhận thức, dù có chỗ gần nhau, giống nhau với những nét tương đồng nào đó, nhưng chúng không thể thay thế nhau; cần đặt trong một bối cảnh lịch sử cụ thể mới có thể thấy được giá trị và vị thế đích thực của chúng.

Ngoài ra, chủ nghĩa duy vật biện chứng nghiên cứu thế giới nói chung, song các phạm trù cơ bản của nó lại liên hệ xoắn xít, mật thiết và đan xen với nhau phản ánh các trình độ nhận thức con người từ tự nhiên, xã hội và tư duy. Ví dụ, phạm trù tồn tại bao trùm tồn tại xã hội, đồng thời nó cũng bao hàm tồn tại hiện thực khách quan tức vật chất và tồn tại hiện thực chủ quan tức ý thức. Khám phá để bóc tách các mối liên hệ đó một cách đầy đủ, đòi hỏi nhận thức của con người ở các thế hệ phải đi sâu một cách vô tận từ bên ngoài vào bên trong. Đó là: “quá trình vô hạn của sự đi sâu của nhận thức của con người về các sự vật, hiện tượng, quá trình, v.v. nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn” (Lênin, 1981, tập 29: 240). Quá trình này cũng chính là kết quả phát triển nhận thức lâu dài, khó khăn và phức tạp của loài người qua các thế hệ, của sự khổ công, đúc rút, khái

quát, thử nghiệm, chất lọc của các nhà khoa học.

3. KẾT LUẬN

Triết học Mác - Lênin là hệ thống mở. Các phạm trù, khái niệm, quy luật của nó không phải là hệ thống đứng im, bất biến mà giữa chúng có mối liên hệ mật thiết, đan xen hữu cơ với nhau để hình thành nên các khái niệm, phạm trù, quy luật mới, phản ánh ngày càng đúng hơn hiện thực đang vận động.

Các phạm trù này biểu hiện các khía cạnh khác nhau của sự vật, đồng thời chúng cũng chính là những nấc thang, những trình độ nhận thức của con người “trước màn lưới những hiện tượng tự nhiên”, thể hiện “sự tách khỏi giới tự nhiên” của con người trong tiến trình nhận thức thế giới nhằm chinh phục và nắm vững được màn lưới tự nhiên đó như Lênin khẳng định (Lênin, 1981, tập 29: 102) trong *Bút ký triết học*. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Ăngghen nêu ra trước đó trong *Chống Duy linh*.

Nhận thức của con người càng phát triển nên các khái niệm, phạm trù phải được hình thành, phát triển thêm để phản ánh ngày càng đầy đủ hơn về thế giới vật chất đang vận động. Khi con người nhận thức thêm một phạm trù, cũng chính là lúc họ đặt một bước chân lên *bậc thang mới* của nhận thức, thể hiện tầm nhìn thế giới ngày càng mở rộng hơn, bao quát hơn, sâu sắc hơn về thế giới xung quanh. Có thể nói, đó cũng chính là lúc họ đã bước

một bước từ vương quốc tất yếu sang vương quốc tự do như ý tưởng của Ăngghen đã từng nêu trong *Chống Duy linh*. Tự do ở đây là khi nhận thức được cái tất yếu, cái quy luật và hành động theo quy luật chứ không phải là tự do bất chấp quy luật. Tự do của con người phụ thuộc vào trình độ nhận thức và khả năng vận dụng quy luật khách quan đúng như Ăngghen (1994, tập 20: 164) nhận định: “Những con người vừa mới tách khỏi loài vật thì trong tất cả mọi mặt cơ bản cũng đều không có tự do, chẳng khác gì bản thân loài vật; nhưng mỗi bước tiến lên trên con đường văn hóa là một bước tiến tới tự do”.

Số lượng phạm trù ngày càng tăng thêm phản ánh ngày càng sâu sắc hơn thế giới, song đó không phải là kết quả của sự tư biện mà là của sự phản ánh thế giới khách quan như Lênin (1981, tập 29: 209) khẳng định: “Biện chứng của sự vật sản sinh ra biện chứng của ý niệm, chứ không phải ngược lại”, và *những khái niệm, phạm trù, quy luật...* vừa là sản phẩm của nhận thức, vừa là hình thức, là

công cụ của nhận thức (Lênin, 1981, tập 29: 193).

Chính vì thế phạm trù có ý nghĩa thế giới quan và phương pháp luận, mở rộng tầm hiểu biết, tầm tự do của con người và giúp con người cải tạo thế giới, phát triển thế giới ngày càng bền vững hơn. Điều đó được Lênin khẳng định rõ hơn trong *Bút ký triết học*. Những hiểu biết về thế giới và mối liên hệ hữu cơ giữa chúng được phản ánh qua biện chứng giữa các phạm trù, khái niệm, quy luật là cơ sở giúp con người *chinh phục thế giới ngày càng hiệu quả hơn khi biết vận dụng đúng quy luật khách quan*. Tác phẩm *Bút ký triết học* được Lênin viết cách đây trên 100 năm vẫn có giá trị khai mở cho sức sống mới của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mang ý nghĩa thế giới quan và phương pháp luận cho các nhà triết học chân chính, gợi mở cho họ những ý tưởng mới về nhiều lĩnh vực trong đó có phép biện chứng và việc hình thành các phạm trù mới với sự liên hệ giữa chúng phản ánh ngày càng sâu sắc hơn thế giới ngay cả trong thế giới đương đại. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Andreep. 1983. *Phép biện chứng duy vật với tư cách là một hệ thống khoa học*. Matxcova: Nxb. Tiến bộ.
2. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng (chủ biên). 1987. *Từ điển Triết học giản yếu*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. V.I.Lênin.1981. *Toàn tập* – tập 29. Matxcova: Nxb. Tiến bộ.
4. C. Mác, Ph. Ăngghen. 1994. *Toàn tập* – tập 20, 25. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên). 1991. *Lịch sử Triết học* – tập 1. Hà Nội: Nxb. Tư tưởng văn hóa.